TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG TÍN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2024/HS-ST
Ngày: 02-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuyển.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Hùng.

Ông Nguyễn Hiếu Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hà - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: /2024/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên**: Lê Văn L**, sinh năm 1991; giới tính: Nam; HKTT: Làng R, xã N, huyện N, tỉnh T. Nơi ở: Thôn N, xã N huyện Thường Tín, TP. Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: không; Con ông Lê Văn P, con bà Bùi Thị H. Vợ: Nguyễn Thị Ngọc T. Con: có 02 con lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2024 đến nay (Có mặt)

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Lương D, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn B thôn 2, xã H, huyện Đ, tỉnh T.(Có mặt)

- *Bị đơn dân sự:* Công ty trách nhiệm hữu hạn C. Địa chỉ: Cụm công nghiệp Q, xã Q, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Ngọc T.(Có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số B ngách M G, tổ H, phường T, quận H, TP Hà Nội. Ông Trịnh Văn M, sinh năm 1958; Địa chỉ: Tiểu Khu P, thị trấn P, huyện P, TP Hà Nội. Chị Phạm Thị Thu Á, sinh năm 1974; Thường trú: Số H, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số M, Phường P, quận B, Thành phố Hà Nội. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2022, anh Nguyễn Lương D đến trụ sở Công ty TNHH ô tô T, địa chỉ: số 209, xã N, huyện T, TP Hà Nội gặp anh Nguyễn Thành Đ (là nhân viên bán hàng của Công ty TNHH ô tô T để xem xe và đặt cọc tiền mua xe ô tô sát xi tải KIA Frontier K250. Do có nhu cầu đăng ký xe biển số Hà Nội nên anh D đã nhờ anh Nguyễn Tuấn A là bạn đứng tên đăng ký xe, anh Tuấn A đồng ý và cung cấp thông tin cá nhân của mình cho anh D. Sau khi đăng ký xe xong, anh Tuấn A sẽ ủy quyền cho anh D toàn quyền sử dụng và quản lý đối với chiếc xe ô tô trên. Ngày 29/7/2022, tại số 207-209, xã N, huyện T, TP. Hà Nội, anh Nguyễn Lương D đã sử dụng thông tin của anh Nguyễn Tuấn A để ký hợp đồng mua bán xe số 0405/2022-GPT với Công ty TNHH ô tô T, nội dung mua bán xe ô tô sát xi tải KIA Frontier K250 với giá 428.000.000 đồng, anh D tự ký tên "Nguyễn Tuấn A" ở mục bên mua. Ngày 30/7/2022, anh D đã đặt cọc 40.000.000 đồng cho Công ty TNHH ô tô T. Sau khi ký hợp đồng, anh Đ biết anh D có nhu cầu lắp đặt thùng cho xe nên anh Đ đã giới thiệu anh D gặp Lê Văn L (SN: 1991, HKTT: làng R, xã N, huyện N, tỉnh T) là Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH C (gọi tắt là Công ty C) có địa chỉ trụ sở tại Cụm công nghiệp Q, xã Q, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội chuyên lắp đặt thùng xe. Ngày 21/10/2022, anh D cùng anh Đ đi đến xưởng sản xuất của L tại thôn K, xã M, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội (là địa điểm sản xuất của Công ty C), anh D đã ký hợp đồng mua bán thùng xe số 2010-1/2022/HĐMB-XEOTO/CKCD, ngày 20/10/2022, đơn giá 90.000.000 đồng với L và tự ký tên "Nguyễn Tuấn A" ở mục bên đặt hàng. Sau đó, anh D đã chuyển cho L số tiền 30.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng để đặt cọc, thời hạn thực hiện hợp đồng ngày 31/10/2022 sẽ thi công xong và bàn giao xe.

Ngày 26/10/2022, anh D thanh toán hết số tiền mua xe là 388.000.000 đồng và nhận bàn giao xe ô tô KIA Frontier K250, số khung RNHA49KHANT069738, số máy ND554625D4CB cùng toàn bộ giấy tờ liên quan từ Công ty TNHH ô tô T. Sau đó anh D gửi xe tại gara của đại lý để L mang đi đóng thùng nhưng đến ngày 31/10/2022, xe của anh D vẫn ở gara của Công ty TNHH ô tô T, L xin anh D hoãn thời gian thi công. Anh D đồng ý, ngày 12/12/2022, tại xưởng thi công của L, anh D và L ký hợp đồng mới về việc mua bán thùng xe ô tô số 1212-1/2022/ HĐMB-XEOTO/CKCD, đơn giá 85.000.000 đồng, thời hạn thực hiện hợp đồng đến ngày

22/12/2022 sẽ thi công xong và bàn giao xe. Do trong nội dung hợp đồng chưa thể hiện việc đền bù vi phạm hợp đồng nếu bàn giao xe muộn nên anh D yêu cầu Lê Văn L thêm nội dung cam kết "Cam kết giao xe đúng ngày, nếu chậm với bất kỳ lý do nào khác, chịu phạt 1.000.000đ/ngày" phía dưới phần chữ ký của Lê Văn L trong hợp đồng thì L đồng ý và tự mình viết tay vào hợp đồng. (Bản hợp đồng mới thay thế cho hợp đồng đã ký ngày 20/10/2022).

Ngày 15/12/2022, tại trụ sở Công ty TNHH ô tô T, anh D đã sử dụng thông tin của anh Tuấn A để ký thỏa thuận mượn xe với anh L. Nội dung thỏa thuận: anh Nguyễn Tuấn A cho Công ty C mượn xe ô tô KIA Frontier K250, số khung RNHA49KHANT069738, số máy ND554625D4CB từ 10h00' ngày 15/12/2022 đến 10h00' ngày 20/12/2022 để sử dụng vào mục đích thi công đóng thùng xe; bên mượn không được cho bất cứ người thứ ba nào mượn lại xe ô tô, nếu không có sự đồng ý của bên cho mượn. Sau đó, anh D bàn giao xe cho L để đóng thùng.

Đến thời hạn giao xe ngày 22/12/2022, anh D đã đến xưởng của L tại xã M, huyện Thường Tín nhưng không gặp, anh D gọi điện thoại thì L xin hoãn thời gian bàn giao xe, khi đó anh D nhìn thấy chiếc xe đang ở xưởng của L, đã lắp đặt thùng nhưng chưa hoàn thiện xong.

Do Lê Văn L có nợ ông Trịnh Văn M số tiền khoảng 520.000.000 đồng nên ngày 09/01/2023, ông M đã yêu cầu L phải thanh toán nợ. L chưa có tiền để trả nên L đã xin ông M cho hoãn thời gian trả nợ nhưng ông M không đồng ý. Ông M yêu cầu L phải có tài sản thế chấp thì mới được hoãn thời gian trả nợ. Ngày 09/01/2023, L đã mang chiếc xe ô tô tải KIA Frontier K250, số khung RNHA49KHANT069738, số máy ND554625D4CB là tài sản của anh D đến nhà ông M để thế chấp để xin ông M cho hoãn thời gian trả nợ. Tại nhà ông M, L và ông M đã lập biên bản thỏa thuận với nội dung: Công ty TNHH C do Lê Văn L làm Giám đốc có vay ông Trịnh Văn M số tiền 460.000.000 đồng và có để lại làm tin 01 chiếc xe KIA K250 màu xanh và hẹn trả lại số tiền sau 30 ngày; Lê Văn L cam kết chiếc xe trên thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH C hoàn toàn hợp pháp.

Ngày 16/01/2023, anh D và anh Đ đi đến xưởng sản xuất của L nhưng không thấy xe của anh D tại xưởng thì L nói đã để nhờ tại nhà của ông Trịnh Văn M tại thị trấn P, P, Hà Nội. Sau đó, anh D, anh Đ và L đi đến nhà ông M thì L nói với anh D là đã thế chấp chiếc xe ô tô sát xi tải KIA Frontier K250 của anh D cho ông M để trả nợ và viết cam kết hẹn đến ngày 20/02/2023 sẽ trả lại xe cho anh D thì anh D đồng ý. Tuy nhiên, đến ngày hẹn L vẫn không trả xe và tiền cọc nên ngày 20/02/2023, anh Nguyễn Lương D đã đến Công an huyện Thường Tín, sử dụng thông tin của anh Tuấn A để viết đơn tố giác Lê Văn L về hành vi chiếm đoạt tài sản.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 Hợp đồng mua bán thùng xe ô tô số 1212-1/2022/HĐMB-XEOTO/CKCD ngày 12/12/2022 giữa Công ty C và Nguyễn Tuấn A (ký hiệu A3).

+ 01 Thỏa thuận mượn xe ngày 15/12/2022 giữa Nguyễn Tuấn A và Công ty TNHH C (Ký hiệu A1).

+ 01 Bản cam kết ngày 16/01/2023 của Công ty TNHH C về việc cam kết thời gian hoàn trả xe cho Nguyễn Tuấn A.

+ 01 (một) xe ô tô sát xi tải Kia Frontier K250 màu xanh, số khung RNHA49KHANT069738, số máy ND554625D4CB, mới chưa qua sử dụng, chưa đăng ký biển kiểm soát (hiện trạng đã đóng thùng, chưa hoàn thiện) thu giữ của Lê Văn L.

Tại bản kết luận định giá số 59/KL - HĐĐG ngày 30/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thường Tín kết luận: 01 (một) chiếc xe ô tô sát xi tải KIA Frontier K250 màu xanh, số khung RNHA49KHANT069738, số máy ND554625D4CB mua mới và chưa qua sử dụng có giá 428.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi tám triệu đồng chẵn).

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Tín còn nhận được đơn trình báo của bà Phạm Thị Thu Á tố cáo Lê Văn L có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

Ngày 24/4/2021, qua sự giới thiệu của anh Hoàng Hải L1 là nhân viên bán hàng của công ty TNHH MTV C, bà Phạm Thị Thu Á đã ký kết Hợp đồng số 2404-3/2021/HĐMB-XEOTO/CKCD với Công ty C do Lê Văn L là đại diện theo pháp luật với nội dung mua bán xe ô tô tải bảo ôn (có máy lạnh, có thiết bị nâng hạ hàng), nhãn hiệu xe KIA, số loại: Frontier K200SD KF39B25R131 với giá 566.000.000 đồng. Do tin tưởng anh L1 nên bà Á đã chuyển số tiền 450.000.000 đồng cho anh L1 để anh L1 chuyển lại cho L để mua xe. Sau đó, anh L1 đã chuyển khoản cho L số tiền 440.000.000 đồng qua số tài khoản 020066102999 của Công ty TNHH C và đưa cho L 10.000.000 đồng tiền mặt để mua ô tô cho bà Á.

Sau khi nhận được số tiền trên, L đã sử dụng để mua xe ô tô sát xi tải KIA Frontier K149 KF36A27R131, số khung RNHA36KHAMT038485, số động cơ MD532496D4CB của Công ty TNHH MTV C với giá 347.500.000 đồng, mua máy đông lạnh HWASUNG HT-050II-12V với giá 40.150.000 đồng và mua các nguyên vật liệu khác để thi công hết khoảng 60.000.000 đồng. Sau khi thi công lắp đặt xong thùng xe, L đã thông báo cho bà Á, nhưng khi tự tính toán, đo đạc dựa trên các quy chuẩn hiện hành về sản xuất, lắp ráp và đăng kiểm xe cơ giới, L xác định tình trạng xe không đủ điều kiện để đăng kiểm do không đảm bảo tải trọng và thay đổi kết cấu động cơ nên chưa thể bàn giao xe cho bà Á. Do vậy, bà Á đã yêu cầu Lê

Văn L là Giám đốc Công ty C hoàn lại số tiền 450.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng.

Ngày 16/7/2022, Công ty C có công văn số 20/07-01/2022 gửi bà Phạm Thị Thu Á xin hỗ trợ thanh lý hợp đồng và có phương án giải quyết như sau: bán thanh lý xe cơ sở đã mua từ nhà máy Thaco để thu hồi số tiền đã đặt mua xe của bà Phạm Thị Thu Á; hoàn trả lại tiền do bà Phạm Thị Thu Á đã đặt cọc với số tiền 450.000.000 đồng trong thời gian muộn nhất là 60 ngày tính từ ngày 20/7/2022; hỗ trợ bà Phạm Thị Thu Á số tiền đã chuyển thanh toán và tạm ứng phần lãi suất tương đương lãi suất 12%/năm, tương ứng với thời gian bà Phạm Thị Thu Á đã chuyển cho Công ty C đến khi Công ty C hoàn trả hết số tiền nêu trên cho bà Á thì bà Á đồng ý. Sau đó, L làm ăn bị thua lỗ nên không thực hiện được nội dung đã cam kết với bà Á.

Ngày 25/02/2023 bà Phạm Thị Thu Á đến Công an huyện Thường Tín tố giác Lê Văn L về hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Á.

Đồ vật, tài liệu thu giữ: 01 Hợp đồng mua bán xe ô tô số 2404-3/2021/HĐMB-XEOTO/CKCD ngày 24/4/2021 giữa Công ty C và bà Phạm Thị Thu Á (bản gốc) (ký hiệu A2).

Ngày 16/6/2023, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 118 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội giám định chữ ký, chữ viết của Lê Văn L trong hợp đồng mua bán xe giữa Công ty C và bà Phạm Thị Thu Á (ký hiệu A2), Hợp đồng mua bán thùng xe và thỏa thuận mượn xe giữa Công ty C và anh Nguyễn Lương D (ký hiệu là A3, A1).

Tại Kết luận giám định số 4593/KL-KTHS ngày 10/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận:

Chữ ký đứng tên Lê Văn L trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3, chữ viết có nội dung "Cam kết giao xe đúng ngày … 1.000.000 đồng/ngày." trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Văn L trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Quá trình điều tra xác định : Việc bà Phạm Thị Thu Á ký kết Hợp đồng số 2404-3/2021/HĐMB-XEOTO/CKCD với Công ty C do Lê Văn L là giám đốc, đại diện theo pháp luật do hai bên tự nguyện, L đã mua xe và đóng thùng theo thỏa thuận nhưng khi bà Á kiểm tra thì không đúng như thỏa thuận giữa 2 bên, bà Á đã đồng ý để L thanh lý chiếc xe thu lại vốn và hoàn trả bà Á số tiền bà Á đã đặt cọc nên xác định giao dịch giữa bà Á và Công ty C do Lê Văn L là giám đốc, đại diện theo pháp luật là giao dịch dân sự. Ngày 26/4/2024, bà Á đã có đơn xin rút các nội dung đã tố giác Lê Văn L và không có yêu cầu đề nghị gì nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với ông Trịnh Văn M khi nhận cầm cố chiếc xe ô tô sát xi tải KIA Frontier K250 màu xanh, số khung RNHA49KHANT069738, số máy ND554625D4CB, L đã cam kết với ông M chiếc xe trên thuộc sở hữu của Công ty TNHH C nên ông M đã tin tưởng nhận tài sản mà L thế chấp, không biết đó là tài sản của anh D, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông M.

Đối với 01 (một) xe ô tô sát xi tải Kia Frontier K250 màu xanh, số khung RNHA49KHANT069738, số máy ND554625D4CB, mới chưa qua sử dụng, chưa đăng ký biển kiểm soát (hiện trạng đã đóng thùng, chưa hoàn thiện) thu giữ của Lê Văn L. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Lương D.

Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Nguyễn Lương D không nhận thùng xe mà Công ty TNHH C đã đóng và yêu cầu Lê Văn L phải hoàn trả số tiền 30.000.000 đồng mà anh D đã đặt cọc. Đối với thiệt hại do Lê Văn L vi phạm hợp đồng, anh D đề nghị cơ quan chức năng xử lý đúng theo quy định của pháp luật.

- Ông Trịnh Văn M không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự trong vụ án này.

Tại bản cáo trạng số 71/CT-VKSTT ngày 21 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín đã truy tố Lê Văn L về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như cáo trạng truy tố và bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn L về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 5 - 6 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (20/01/2024). Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền đối với bị cáo. Về dân sự: Xác định hợp đồng mua bán thùng xe giữa Công ty TNHH C và anh Nguyễn Lương D là vô hiệu do vi phạm về chủ thể ký kết hợp đồng. Công ty TNHH C có trách nhiệm trả lại cho anh D số tiền đặt cọc 30.000.000 đồng, anh D được nhận lại chiếc xe ô tô. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Trả lại anh Nguyễn Lương D xe ô tô sát xi tải KIA Frontier K250 màu xanh, số khung RNHA49KHANT069738, số máy ND554625D4CB, Công ty TNHH C có trách nhiệm tháo gỡ, hạ thùng đã gắn

trên xe. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tranh luận tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Bị hại, bị đơn dân sự không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thường Tín, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, bản kết luận giám định, kết luận định giá, lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp lệ, đủ cơ sở kết luận:

Ngày 15/12/2022, tại địa điểm sản xuất của Công ty TNHH C ở thôn K, xã M, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội, Lê Văn L là Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ký thỏa thuận mượn xe ô tô KIA Frontier K250, số khung RNHA49KHANT069738, số máy ND554625D4CB trị giá 428.000.000 đồng thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Lương D để thực hiện việc thi công đóng thùng xe cho anh D với số tiền là 85.000.000 đồng, anh D đã đặt cọc trước 30.000.000 đồng. Sau khi mang xe về địa điểm sản xuất của Công ty C để đóng thùng nhưng chưa thi công xong. Ngày 09/01/2023, L bị ông Trịnh Văn M đòi nợ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh D, L không trả xe cho anh D theo thỏa thuận mà mang chiếc xe ô tô KIA Frontier K250, số khung RNHA49KHANT069738, số máy ND554625D4CB đến nhà ông Trịnh Văn M lập hợp đồng thỏa thuận, cam kết xe ô tô KIA Frontier K250 là tài sản của Công ty C do L làm giám đốc thế chấp trả nợ cho ông M số tiền 460.000.000 đồng. Nhiều lần anh D đã đòi lại chiếc xe nhưng L không trả. Ngày 20/02/2023, anh D có đơn trình báo đến Công an huyện Thường Tín.

Đối chiếu với quy định của pháp luật, hành vi của Lê Văn L đã phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín truy tố bị cáo ra xét xử về tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, vì vậy cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài để bị cáo thấm thía với tội lỗi của mình mà trở về con đường lương thiện, đồng thời cũng là để làm gương cho những kẻ khác.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, do đó cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật nên cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Khi lượng hình, xét bị cáo có nhân thân tốt, đã thực sự tỏ ra ăn năn hối cải, có thể giảm nhẹ một phần hình phạt chứng tỏ sự nhân đạo của pháp luật để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành người có ích cho xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng theo nguyên tắc xử lý của pháp luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung là phạt tiền: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền.

Việc bà Phạm Thị Thu Á ký kết Hợp đồng số 2404-3/2021/HĐMB-XEOTO/CKCD với Công ty C do Lê Văn L là giám đốc, đại diện theo pháp luật do hai bên tự nguyện, L đã mua xe và đóng thùng theo thỏa thuận nhưng khi bà Á kiểm tra thì không đúng như thỏa thuận giữa 2 bên, bà Á đã đồng ý để L thanh lý chiếc xe thu lại vốn và hoàn trả bà Á số tiền bà Á đã đặt cọc nên xác định giao dịch giữa bà Á và Công ty C do Lê Văn L là giám đốc, đại diện theo pháp luật là giao dịch dân sự. Ngày 26/4/2024, bà Á đã có đơn xin rút các nội dung đã tố giác Lê Văn L và không có yêu cầu đề nghị gì nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với ông Trịnh Văn M khi nhận cầm cố chiếc xe ô tô sát xi tải KIA Frontier K250 màu xanh, số khung RNHA49KHANT069738, số máy ND554625D4CB, L đã cam kết với ông M chiếc xe trên thuộc sở hữu của Công ty TNHH C nên ông M đã tin tưởng nhận tài sản mà L thế chấp, không biết đó là tài sản của anh D, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không đề cập xử lý đối với ông M là có căn cứ.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Ông Trịnh Văn M không có yêu cầu đề nghị nên không xét. Đối với Hợp đồng mua bán thùng xe ô tô số 1212-1/2022/HĐMB-XEOTO/CKCD ngày 12/12/2023: Đây là giao dịch dân sự ký kết giữa Công ty TNHH C do Lê Văn L là giám đốc (đại diện theo pháp luật) và anh Nguyễn Lương D. Tuy nhiên, khi ký kết hợp đồng anh D lại ký đứng tên Nguyễn Tuấn A. Lê Văn L thừa nhận chỉ biết người ký là Nguyễn Tuấn A chứ không biết thực ra là anh Nguyễn Lương D mà không kiểm tra xác thực nhân thân. Theo quy định của pháp luật, hợp đồng này vô hiệu do vi phạm về chủ thể ký kết, lỗi thuộc về cả hai bên. Do vậy, Công ty TNHH C có trách nhiệm trả lại số tiền đặt cọc 30.000.000 đồng đã nhận của anh D và anh D được nhận lại chiếc xe ô tô.

[4] Về vật chứng, xử lý vật chứng: Trả lại anh Nguyễn Lương D xe ô tô sát xi tải KIA Frontier K250 màu xanh, số khung RNHA49KHANT069738, số máy ND554625D4CB. Công ty TNHH C có trách nhiệm tháo gỡ, hạ thùng đã gắn vào chiếc xe trên.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn L phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Phạt: Bị cáo **Lê Văn L 06 (Sáu) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/01/2024.

2. Về dân sự: Căn cứ Điều 123, Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015: Công ty trách nhiệm hữu hạn C phải trả cho anh Nguyễn Lương D số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Trả lại anh Nguyễn Lương D xe ô tô sát xi tải KIA Frontier K250 màu xanh, số khung RNHA49KHANT069738, số máy ND554625D4CB. Công ty trách nhiệm hữu hạn C có trách nhiệm tháo gỡ, hạ thùng đã gắn vào chiếc xe để trả xe cho anh D.

(Vật chứng, tài sản hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, TP Hà Nội quản lý theo công văn số 877/CCTHADS ngày 07/6/2024).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Công ty trách nhiệm hữu hạn C phải nộp 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Bị cáo, bị hại, bị đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín;
- VKSND TP Hà Nội;
- Công an huyện Thường Tín;
- Chi cục THADS huyện Thường Tín;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Trí Tuyển